

THỂ TÀI TỔNG BIỆT TRONG THƠ VIỆT NAM THẾ KỈ XVIII – XIX

Hán Thị Thu Hiền

Khoa Khoa học Xã hội & Văn Hóa - Du lịch, Trường Đại học Hùng Vương

Tóm tắt. Thể tài thơ tổng biệt gồm những tác phẩm mà chủ thể sáng tác là *người ở lại* viết để tiễn biệt một ai đó khi họ dịch chuyển không gian sống từ một nơi này đến một nơi khác. Trong thơ thế kỉ XVIII-XIX, thể tài này ghi nhận những đặc trưng ở cả nội dung và nghệ thuật. Nội dung cảm xúc gắn với những cuộc tổng tiễn nổi bật ở ba khía cạnh: (1) *tình thân yêu nước*, (2) *tình yêu quê hương, gia đình* và (3) *tình cảm bè bạn, bằng hữu*. Thơ tổng biệt đã tái hiện lại hiện thực giai đoạn này trên các khía cạnh tiêu biểu: *li tán, loạn lạc, đời sống đói khổ của nhân dân, công cuộc bảo vệ biên cương cả phía Bắc, phía Nam, quá trình đấu tranh của nhà Nguyễn đối với cuộc xâm lược của thực dân Pháp*. Có hai kiểu thời gian nghệ thuật nổi bật của thể tài này là thời gian khoảnh khắc và thời gian đan xen quá khứ - hiện tại – tương lai. Không gian sông nước là không gian tổng biệt xuất hiện nhiều hơn cả. Các điển cố và thi liệu Hán học, các hình tượng nghệ thuật như liễu, li bôi được sử dụng đều biểu trưng cho sự chia li, chia tay, tiễn biệt... Nghiên cứu này góp phần làm sáng tỏ khái niệm và những đặc trưng nổi bật về nội dung và nghệ thuật của thể tài tổng biệt trong thơ Việt Nam thế kỉ XVIII-XIX.

Từ khóa: Thể tài tổng biệt, thế kỉ XVIII-XIX, nội dung, nghệ thuật.

1. Mở đầu

Nghiên cứu về văn học trung đại Việt Nam, Lê Trí Viễn nhắc tới một loại thơ tức tịch, tẩu bút, trong những dịp đưa tiễn:... “Thường nó nằm trong một phong thái thanh nhả phương Đông là gặp dịp vui mừng, tiễn đưa, đón rước, cả lúc chia buồn, thương cảm, gặp rồi chia tay... thường có thơ trao tặng, kẻ đưa người đáp, trong đó không phải không có lời hay” [1; tr 148]. Ông cũng khẳng định thơ trung đại thường xoay quanh các đề: “cảm, thuật, hoài, tặng, đề, tán, tiễn, tổng, biệt, húng, vịnh, ngâm, tức, điệu, văn...” [1; tr 230]. Như vậy, tổng biệt vừa là một đề tài tiêu biểu của văn học trung đại, vừa là một kiểu loại thơ. Đã có một số nghiên cứu về văn học Trung Quốc và một số quốc gia Đông Á phân tích thể tài tổng biệt [2]. Đặc biệt, nhiều nghiên cứu về thể tài này đã được công bố khi nghiên cứu các phương diện nội dung, nghệ thuật trong thơ tổng biệt của các tác gia văn học trung đại Trung Quốc như Lý Bạch [3], hoặc các tác giả đời Đường [4], đời Tống [5]. Ở Việt Nam, Hán Thị Thu Hiền đã báo cáo kết quả nghiên cứu những tiền đề của sự hình thành dòng thơ tổng biệt trong văn học trung đại Việt Nam [6]. Tuy nhiên, những nghiên cứu về thể tài này trong văn học Việt Nam còn rất mới và cần được thực hiện trên quy mô lớn hơn. Nghiên cứu này hướng tới việc phân tích nội dung và nghệ thuật thơ tổng biệt trong văn học giai đoạn thế kỉ XVIII – XIX, góp phần làm sáng tỏ thể tài này trong dòng chảy văn học trung đại Việt Nam.

Ngày nhận bài: 1/1/2020. Ngày sửa bài: 17/1/2020. Ngày nhận đăng: 2/2/2020.

Tác giả liên hệ: Hán Thị Thu Hiền. Địa chỉ e-mail: hanhiendhvh@gmail.com

2. Nội dung nghiên cứu

Trong các công bố khoa học trước đây, khái niệm thơ tổng biệt còn chưa thực sự rõ ràng và thống nhất. Đầu tiên, thể thơ này có tên gọi là “tổ tiền”, dùng để hát dâng lên thần linh cầu xin đi đường bình an, nghiêng về tôn giáo, tín ngưỡng, sau đó dần chuyển sang cảm xúc chia li [5]. Tuy nhiên, đến nay vẫn còn chưa thực sự phân tách rạch ròi giữa nội hàm thơ tổng biệt – người tiền viết và thơ lưu biệt – người đi viết [7, 8, 9]. Theo từ điển bách khoa toàn thư Baidu Baike (<https://baike.baidu.com/>) ở mục từ “tổng biệt thi” được hiểu là thơ ca dùng để kể lại cảm xúc li biệt của thi nhân. Tác giả Nguyễn Khắc Phi cho rằng tên gọi đầy đủ của thơ tổng biệt là tổng hành tằng biệt, nghĩa là “thơ tiễn chân và thơ từ biệt” [10, tr 908]. Bản thân khái niệm tổng biệt được hiểu là: Đưa người lên đường [11; tr. 309] hoặc tiễn nhau đi xa [12; tr.1406]. Trên các cơ sở lí luận đó, chúng tôi đề xuất thống nhất khái niệm thơ tổng biệt là những tác phẩm thơ mà chủ thể sáng tác là *người ở lại* viết để tiễn biệt một ai đó khi họ dịch chuyển không gian sống từ một nơi này đến một nơi khác. Như vậy thơ tổng biệt là một thể tài văn học, đa dạng trong loại hình sáng tác. Trong văn học trung đại Việt Nam, ngay từ những sáng tác của Trần Thái Tông, Trần Nhân Tông, Trần Minh Tông, Nguyễn Sưởng, Trần Nguyên Đán, Nguyễn Phi Khanh, Nguyễn Bảo... đã có những tác phẩm được viết theo thể tài tổng biệt. Theo thống kê của Bùi Thị Kim Ánh, giai đoạn thế kỉ X – XVII ghi nhận 68 tác phẩm tiêu biểu thuộc thể tài này [8; 125 tr]. Sang đến giai đoạn thế kỉ XVIII – XIX, song hành cùng với sự phát triển nở rộ của các thể tài văn học, thể tài tổng biệt cũng được mở rộng với số lượng tác phẩm lớn. Trong nghiên cứu trước đây [6], chúng tôi nhận thấy có những tác giả có tới hàng trăm bài thơ thuộc thể tài tổng biệt như Nguyễn Văn Lý 110 bài [13, 14], Phạm Phú Thứ có 99 bài [15]... Bên cạnh đó có một số tác giả có số lượng thơ tổng biệt ít hơn như Ngô Thì Nhậm [16], Cao Bá Quát [17, 18]. Không chỉ phong phú về số lượng, thể tài thơ tổng biệt giai đoạn này còn có những đặc điểm nổi bật trên phương diện nội dung cũng như nghệ thuật thể hiện.

2.1. Nhìn từ phương diện nội dung, các tác phẩm thuộc thể tài thơ tổng biệt thế kỉ XVIII - XIX cho thấy những nội dung cảm xúc phong phú cũng như giá trị hiện thực - lịch sử rõ nét.

2.1.1. Về nội dung cảm xúc

Nội dung cảm xúc gắn với những cuộc tổng tiễn trong thơ hai thế kỉ nhìn chung xúc động, chân thực, tuy nhiên, nổi bật ở ba khía cạnh: *tinh thần yêu nước, tình yêu quê hương, gia đình, tình cảm bè bạn, bằng hữu.*

Tinh thần yêu nước trong các tác phẩm thơ thuộc thể tài này một mặt vẫn tiếp thu cảm hứng yêu nước truyền thống trong văn học như cảm hứng ngợi ca nhà vua, ngợi ca cuộc sống thái bình thịnh trị, ngợi ca các danh lam thắng cảnh của đất nước, sự tự ý thức đầy trách nhiệm của kẻ sĩ về bổn phận, nghĩa vụ... Tuy nhiên, trước yêu cầu của hoàn cảnh lịch sử mới các bài thơ tổng biệt gắn với những cuộc tổng tiễn người đi nhậm chức ở các vùng biên, đi dẹp giặc, dẹp loạn... còn thể hiện tinh thần yêu nước với những nội dung cảm xúc mang đậm dấu ấn thời đại. Trước hết là lòng căm thù giặc sâu sắc và nỗi niềm căm khải trước cảnh nước nhà loạn li. Những tác phẩm trực tiếp thể hiện lòng căm thù giặc không quá nhiều nhưng cách thể hiện nội dung cảm xúc này rất sâu sắc, quyết liệt. Các tác giả đã bày tỏ nỗi niềm căm khải, xót xa thương tiếc khi giang sơn bị chiếm đóng: *Giang sơn cũng tuấn bạt* (Thương tiếc cho giang sơn hùng vĩ bị chiếm đóng) (*Tổng lại bộ Dương Lang Trung Quảng Nam án sát* – Phạm Phú Thứ), hoặc tâm trạng “xấu hổ” khi chưa diệt hết được kẻ thù: *Cừu địch vì vong do thị sĩ* (Kẻ thù chưa bị diệt hết thì còn xấu hổ) (*Tặng Nguyễn Hồng Lô Nguyễn Quân văn võ lãnh Cao Bằng án sát* – Nguyễn Văn Siêu)... Một biểu hiện khác của tinh thần yêu nước trong buổi giao thời là ý chí quyết tâm tiêu diệt kẻ thù giữ vững độc lập, chủ quyền nước nhà. Nội dung cảm xúc này được thể hiện sâu sắc trong thơ Phạm Văn Nghị, Vũ Phạm Khải, Nguyễn Quang Bích, Đào Tấn... với những câu thơ tiêu biểu như: *Tráng hoài bất vị phong sương biến* (Chí khí cường tráng, chẳng vì gió sương

mà biến đổi) (*Tiền Quảng Nam cố nhân, nguyên án sát đặc cửu, vãng Thái Nguyên – Phạm Văn Nghi*), *Cán tiêu bất nhĩn ưu quân phụ/ Quan kỹ hà kham loạn Hạ, Di* (Ông đâu nỡ để vua cha phải lo lắng ngày đêm/ Là người đội mũ, đi giày, há chịu cho bọn mọi rợ làm loạn) (*Tiền Nghĩa Trai tiên sinh vãng Quảng Nam tiểu Tây – Vũ Phạm Khải*)...

Tình cảm với quê hương, gia đình thường được thể hiện rõ ở những bài thơ tiễn người về hưu, về quê hoặc những bài tiễn họ hàng, tiễn người cùng quê bất chợt gặp nơi đất khách quê người... Nội dung cảm xúc này được thể hiện chân thành, đậm thấm và mang giá trị nhân văn sâu sắc. Trước thế kỉ XVIII, thể tài thơ tổng biệt có nói tới tình cảm quê hương nhưng nhìn chung khá mờ nhạt thì đến giai đoạn này, tình cảm quê hương được thể hiện trực diện, sâu sắc hơn. Đặc điểm chung nhất khi nói về nỗi nhớ quê hương chính là độ đậm, độ sâu của cảm xúc: *Bắc vãng trường ngâm hữu sở tư* (Ngâm nga bài thơ dài về Bắc có nỗi nhớ nhưng) (*Tổng hữu – Nguyễn Văn Lý*)... Nỗi nhớ luôn thường trực khiến con người càng khao khát trở về, khao khát muốn về: *Hương quốc vọng quy thâm* (Mong nhớ quê hương muốn về lắm rồi) (*Trùng Dương nhật đắc Cù Tiên Công khách lai, túy trung phú tiễn – Tổng quy nhân, cảm tác – Cao Bá Quát*). Trước thế kỉ XVIII, thể tài thơ tổng biệt dường như không xuất hiện tác phẩm tiễn người thân thì giai đoạn này ghi nhận những bài thơ tiễn vợ, tiễn em, tiễn con... Tiêu biểu như các bài: *Tổng nội tử Ngô Vũ Khanh nam quy* của Nguyễn Thông, chùm năm bài *Tổng Tổ Như đệ tự Phú Xuân Kinh Bắc Hoàn* của Nguyễn Đề, bài *Thu tổng nữ tử hoàn gia ngẫu thành* của Nguyễn Văn Lý. Tình cảm gia đình trong những cuộc tiễn biệt này đều toát lên được sự dung dị, chân thành mà không kém phần sâu sắc. Những cuộc tổng tiễn trong thơ không đơn thuần mang tính chất công việc mà còn gắn liền với những cuộc chia li trong gia đình.

Thể tài thơ tổng biệt thế kỉ XVIII - XIX với số lượng lớn những bài thơ tiễn bạn bè (trên 92%) đã cho thấy tình bằng hữu là một trong những nội dung cảm xúc tiêu biểu, nổi bật. Cảm xúc này được thể hiện trên hai phương diện: Sự khẳng định, ngợi ca, trân trọng và tình cảm bịn rịn, lưu luyến, thấu hiểu, đồng cảm với bạn. Nội dung cảm xúc ngợi ca nhìn chung phong phú, đa dạng nhưng thường tập trung ngợi ca về tài năng, phẩm chất, công lao đóng góp... của người đi. Tuy nhiên nét độc đáo nằm ở chỗ với mỗi một lí do đưa tiễn khác nhau, lời ngợi ca mang những sắc thái riêng. Khi tiễn người đi sứ, các tác giả thường chú ý khẳng định *tài năng hơn người* của người lên đường. Họ được gọi là những bậc “phong lưu”: *Tụng Thi tam bách ngô nhân sự/ Khán thủ phong lưu thế sự gia* (Đọc ba trăm thiên Kinh thi là việc của bọn ta/ Hãy nhìn nhận rằng sứ giả là phong lưu trên đời) (*Tiền Đông Dư Nguyễn các lão phụng sứ như Thanh – Cao Bá Quát*). Hoặc là những con người “phi thường”: *Tài phi thường sự nghiệp phi thường/ Lương độ hoàng hoa toát cổ lương* (Tài phi thường, sự nghiệp cũng phi thường/ Hai lần đi sứ, vượt cả người hiền khi trước) (*Tổng binh bộ tả phụng nghị nghị thành hầu phụng sứ – Phan Huy Ích*)... Tiễn người về hưu, cảm hứng ngợi ca thể hiện ở việc khẳng định *sự toàn vẹn cả ở phẩm chất và năng lực* với thái độ tôn kính và cảm phục dành cho người được đưa tiễn: *Khoan nghiêm tiết độ nguyên thần phạm/ Văn vũ tài du cổ tướng phong* (Nghiêm túc, khoan dung, chùng mực, quả là khuôn mẫu bậc đại thần/ Văn tài, võ giỏi, mưu hay, đúng là phong độ một vị tướng đời xưa) (*Đại hoãn quận công tiễn Cồn quận công trí sĩ chi tác – Ngô Thì Nhậm*). Nếu như cảm xúc khẳng định, ngợi ca ở một phương diện nào đó còn mang tính chất xã giao, nghi thức thì xúc cảm bịn rịn, lưu luyến đã khẳng định sự thấu hiểu, đồng cảm rất chân thành, xúc động của người tiễn dành cho người đi. Người lên đường được triu mến gọi bằng những cách khác nhau như *tương thân, tri âm, cố tri, tri kỷ, tương tri, đồng tâm*... Mỗi giao tình này còn được thể hiện sống động qua các hành động, cử chỉ như cầm tay, nắm tay, vẫy tay, nắm áo, nghển cổ trông theo, giữ yên cương lại, chúc chén... Các cung bậc cảm xúc trong và sau khi chia tay, vừa sống động vừa xúc động. Cảm xúc dồn nén trong lúc chia biệt khiến người trong cuộc bịn rịn đầy lưu luyến. Buồn, tiếc, đau đớn, sợ li biệt... là những phức hợp cảm xúc được các tác giả diễn tả rất thành công. Dòng cảm xúc của người tiễn sau biệt li chuyển thành trạng thái thần thờ, băng khuâng, bồi hồi, nhiều lúc khiến con người như không chịu nổi: *Tôn tửu bồi*

hồi dĩ bất chi (Cầm chén thần thờ như không sao chịu nổi) (*Đông Chi bôi thứ thư tiền Định Tường niết sứ Cao Hi Phùng* - Nguyễn Văn Lý)... Nổi nhớ là cảm xúc bao trùm nhất trong những cuộc tổng biệt. Tình cảm bè bạn, bằng hữu thực sự là một nội dung xúc cảm tiêu biểu trong thể tài thơ tổng biệt giai đoạn này. Những cung bậc cảm xúc đa dạng, phong phú đã giúp cho tình cảm bè bạn, bằng hữu trong thơ tổng biệt chân thực, tha thiết, gắn bó. Tình bạn ấy đã thoát li hoàn toàn với cái vỏ bề ngoài đầy nghi thức của một buổi tiễn biệt. Đó cũng là cách thể tài này đời thường hóa một chủ đề vốn mang tính chất công thức, xã giao.

2.1.2. Giá trị hiện thực - lịch sử

Qua các cuộc tổng tiễn, thơ tổng biệt đã tái hiện lại hiện thực thế kỉ XVIII - XIX trên ba khía cạnh tiêu biểu: *hiện thực li tán, loạn lạc, đời sống đói khổ của nhân dân; công cuộc bảo vệ biên cương ở cả phía Bắc và phía Nam; quá trình đấu tranh của nhà Nguyễn với cuộc xâm lược của thực dân Pháp.*

Các tác phẩm đã phản ánh được hiện thực loạn li, đời sống đói khổ quần cùng của nhân dân. Thơ tiễn em của Nguyễn Đề (*Tổng Tố Như đệ tự Phú Xuân kinh Bắc hoàn*) hay cuộc chia tay của Nguyễn Văn Lý với con gái (*Thu tổng nữ tử hoàn gia ngẫu thành*), của Nguyễn Thông với vợ (*Tổng nội tử Ngô Vũ Khanh nam quy*)... cho thấy hiện thực li tán không thể khác ngay từ trong gia đình. Cuộc sống nghèo đói, vất vả... cũng được nhắc tới trong các cuộc tổng tiễn. Hiện thực về cuộc sống loạn li, đói khổ của quần chúng nhân dân được tái hiện chân thực trong một số bài như *Lãnh Thọ Xương, Vĩnh Thuận đồng tri Phan Quân Huy Khiêm thăng ngự sử tống chi, Tổng Phạm Tử Xuân Trạch quy Nghệ An* của Nguyễn Văn Siêu, *Tổng Lương Tử chi Quảng Nam* của Tùng Thiện Vương...

Không chỉ diễn tả sâu sắc hiện thực loạn li, đói khổ, các tác phẩm thuộc thể tài này còn góp phần phản ánh được công cuộc mở rộng, bảo vệ cương vực lãnh thổ của chế độ phong kiến Việt Nam trong giai đoạn thế kỉ XIX cả ở phía Nam và phía Bắc. Thơ tổng biệt đã ghi lại được những cuộc tiễn biệt bạn bè ra bảo vệ các vùng đất xa xôi, hẻo lánh, tiêu biểu như các bài: *Tiến binh bộ tả Phụng Nghị Nghị Thành nguyên Hầu phó Quy Nhơn thành* (Phan Huy Ích), *Nguyễn Ước Trai tuần phủ Hà Tiên khởi mã, thư tặng, Tâm khế Tân Xuyên dĩ Thái Phiên thăng bố Hà Tiên bố chính, hộ lý tuần phủ, đạo kinh Hà Thành, thư tiễn, Sứ tiết vinh lai dao tái ngoại, Đồng sự phiên đài Lê Hàn Phủ cải bổ Hà Tiên, bôi thứ họa lưu vận di tiễn* (Nguyễn Văn Lý). Bên cạnh những cuộc tổng tiễn người đi làm việc ở các vùng đất xa xôi, hẻo lánh của cuộc Nam tiến còn là những cuộc tổng tiễn người đi chinh chiến để bảo vệ vùng đất ấy. Những bài tiễn người đi tòng quân Trần Tây như *Tặng khế nghị Bảo Khê Nguyễn Ước Phu Trần Tây tòng quân, Ước Phu tự Trần Tây lộ hoàn tương quá Gia Định yêu quy lị sở lưu túc, cập hoàn thư tiễn* của Nguyễn Văn Lý hay *Tổng Vĩnh Thuận Nguyễn Ước Phu Trần Tây tòng quân* của Nguyễn Văn Siêu là minh chứng rõ nét cho những cuộc chinh chiến bảo vệ bờ cõi. Bên cạnh đó, có khoảng 25 bài thơ thuộc thể tài tổng biệt ở giai đoạn này tiễn người di chuyển lên làm việc ở các vùng miền núi phía Bắc như bài: *Tiến nguyên Nam Định đốc học Doãn Khuê hồi lỵ* của Vũ Phạm Khải, các bài *Tổng Tây Bắc quân thứ tán lý Phan Thuần Cử, Tổng Hoàng Tham Tán Trọng Tú vãng Thái Nguyên thảo Thanh phỉ, Tổng Nghĩ Hưng tri phủ Lê Bắc thứ tán tương* của Phạm Phú Thứ... Các thi phẩm đã cho thấy được ý thức của triều Nguyễn về sự phức tạp, vị trí quan trọng của biên vực cũng như phản ánh được tình hình bảo vệ bờ cõi khá phức tạp của khu vực phía Bắc ở giai đoạn này. Các cuộc tổng tiễn trong thơ tổng biệt vì thế không chỉ là thơ mà còn là lịch sử, là căn cứ để các nhà nghiên cứu đánh giá và nhìn nhận khách quan hơn những đóng góp của nhà Nguyễn đối với chế độ phong kiến Việt Nam nói riêng cũng như đối với vấn đề bảo vệ cương vực lãnh thổ nói chung.

Các thi phẩm thể tài tổng biệt của Vũ Phạm Khải, Đặng Huy Trứ, Phạm Phú Thứ, Nguyễn Xuân Ôn, Đào Tấn... còn phản ánh sâu sắc hiện thực về cuộc xâm lăng của thực dân Pháp giai đoạn nửa cuối thế kỉ XIX. Trước hết những bài thơ này đã ghi lại nhiều sự kiện tiêu biểu theo dọc chiều dài lịch sử nửa cuối thế kỉ XIX liên quan đến cuộc xâm lăng của thực dân Pháp ở Việt

Nam như sự kiện Đỗ La Phong (Đỗ Khắc Tĩnh) quyết tâm xin đi Nam Kỳ để an ủi tướng sĩ, tập hợp lực lượng mưu tính đánh đuổi quân xâm lược năm 1859 (bài *Tổng Hồng Lô tự khanh Đỗ La Phong vãng Nam Kỳ* - Phạm Phú Thứ), sự kiện Nguyễn Tri Phương được sung chức Gia Định quân thứ, thống đốc quân vụ cùng Tham tán đại thần Phạm Thế Hiển trông coi việc quân sự ở miền Nam năm 1860 (bài *Tổng Nguyễn Tường quân Tri Phương Nam chinh* – Đào Tấn)... Thể tài tổng biệt còn ghi dấu ấn những nhân vật lịch sử tiêu biểu có ảnh hưởng tới cục diện chính trị ở giai đoạn này như Phan Thanh Giản, Hoàng Diệu, Nguyễn Tri Phương, Phạm Phú Thứ, Phan Văn Nghị... trong các cuộc tiễn biệt, tiêu biểu như bài *Tổng Ngụy Phiên Thân Chi hồi Nghệ An* lỵ của Phạm Phú Thứ, bài *Tổng Trúc Đường Phạm Công hộ bộ kiến tiết Hải An - kiêm thương chánh đại thần* của Nguyễn Thông... Điều này khẳng định được giá trị lịch sử rất ý nghĩa của thể tài thơ tổng biệt giai đoạn thế kỉ XVIII - XIX. Xét trên một khía cạnh nào đó những thi phẩm này hoàn toàn có thể trở thành một đối chứng sinh động, xác thực khi cần soi chiếu các sự kiện lịch sử. Giá trị độc đáo này của thể tài thơ tổng biệt không phải bất cứ một thể tài nào cũng có được.

2.2. Nhìn từ phương diện nghệ thuật, thể tài thơ tổng biệt thế kỉ XVIII – XIX có nhiều nét nổi bật trong cách thể hiện thời gian, không gian, cách sử dụng điển cố, thi liệu Hán học, hình tượng nghệ thuật.

2.2.1. Về thời gian nghệ thuật

Có hai kiểu thời gian nghệ thuật nổi bật của thể tài thơ tổng biệt. Kiểu thứ nhất là thời gian khoảnh khắc. Đặc trưng của kiểu thời gian này là cách miêu tả những hành động, cử chỉ, lời nói nhanh, vội vàng, gấp gáp. Đây là một trong những cách thể hiện thời gian rất đặc sắc của thể tài thơ tổng biệt. Nó giúp cho cảm xúc thơ chân thực, đời thường. Người đọc cũng như bị cuốn vào cuộc chia li, thấu cảm từng giây phút của buổi tiễn đưa. Trái ngược với cách nhìn thời gian theo kiểu bình thản, tĩnh lặng của người trung đại, trạng thái vội vàng, thúc giục, gấp gáp này gần với cách nhìn và tư duy của người hiện đại. Bên cạnh đó, nó còn làm cho cảm xúc thơ trở nên dồn nén và xúc động hơn. Đồng thời, đây cũng là cách các tác phẩm thuộc thể tài thơ tổng biệt ghi lại những hình ảnh đẹp của buổi chia li, là cách để người tiễn gửi trọn tình cảm của mình trong buổi đưa tiễn. Kiểu thứ hai là thời gian đan xen, nhiều chiều giữa quá khứ, hiện tại với tương lai. Thời gian quá khứ được thể hiện với rất nhiều dạng thức khác nhau. Có thể đó là thời gian chính xác tới từng năm: *Sách danh đồng thị Mậu Thìn xuân (Tổng Quế Bình huyện chánh đường Ngô Chí Quán* - Nguyễn Huy Oánh). Cũng có khi là một khoảng thời gian cụ thể nhưng kéo dài cùng những số liệu thời gian chính xác như bảy năm, mười tám năm, hai chục năm, ba mươi một năm... Có thể tìm thấy những con số chỉ thời gian như thể trong một loạt các bài như: *Đại hoãn quận công tiễn Cồn quận công trí sĩ chi tác* của Ngô Thì Nhậm, *Tổng môn nhân Lê Sư Do quy tỉnh* của Phạm Đình Hổ... So với thời gian quá khứ, thời gian tương lai được nói tới nhiều hơn. Điểm nổi bật dễ nhận thấy nhất của kiểu thời gian này là viết về tương lai gắn với những điều tươi sáng, tốt đẹp. Những bài thơ tiễn bạn đi sứ của Ngô Thì Nhậm như *Tổng hữu Bắc sứ*, *Thư tiễn thị lang điển ngọc hầu phụng sứ*, hay bài *Tổng Quế Bình huyện chánh đường Ngô Chí Quán* của Nguyễn Huy Oánh, bài *Tổng Liên Cừ Mai Công phó Vị Hoàng* của Phạm Đình Hổ... tiêu biểu cho kiểu thời gian này. Điều đặc sắc trong cách thể hiện thời gian đan xen quá khứ - hiện tại - tương lai chính là thường hay tạo kiểu bố cục theo mạch thời gian tuyến tính hay những kiểu cặp câu song đối. Thông thường trong một bài thơ, hai câu đầu tái hiện thời gian quá khứ, hai câu kết viết về thời gian tương lai trong tương tượng như các bài *Tổng Quế Bình huyện chánh đường Ngô Chí Quán* của Nguyễn Huy Oánh, *Kí tiễn lễ bộ Thượng thư Phan Công trí sĩ* của Nguyễn Văn Lý. Cũng có khi mở đầu là thời gian hiện tại, kết thúc là thời gian tương lai mơ ước, có thể tìm thấy kết cấu này trong các bài như: *Phụng nghĩ trấn thủ tiễn đốc đồng* của Ngô Thì Nhậm, *Biệt Nguyễn Đại Lang* của Nguyễn Du. Những cách thể hiện thời gian như thế làm cho các bài thơ vừa chặt chẽ vừa giúp cho cảm xúc đưa tiễn của người viết sâu sắc và

tinh tế hơn. Sự đan xen thời gian còn được thể hiện qua những cặp từ song hành, sóng đôi trong một cặp câu thơ theo kiểu như: *Khứ nhật kim tiền tổng/ Lai thì trúc mã ngênh* (Tiễn Trần Mộng Hạc tân trừ *Tiên Hưng tri phủ chi nhậm* - Nguyễn Án) hoặc thể hiện trạng thái lặp đi lặp lại của những cuộc đưa tiễn: *Khứ niên tương biệt Đức Giang đầu/ Thùy liệu kim tiêu Nhĩ thủy lâu* (Tiễn Thuận An tri phủ *Nguyễn Tuân Phủ chi kinh* - Vũ Tông Phan). Những cuộc đưa tiễn và hội ngộ vì thế giống như bánh xe quay không bao giờ có điểm dừng, cứ gặp mặt rồi lại chia tay, chia tay chắc chắn sẽ có ngày gặp lại. Thời gian nhiều chiều và có sự đan xen quá khứ - hiện tại - tương lai không phải là cách thể hiện mới trong thơ tổng biệt. Tuy nhiên, nếu như ở giai đoạn trước thế kỉ XVIII, đặc biệt là giai đoạn Lý-Trần, thơ tổng biệt chủ yếu dừng lại ở đối tượng đưa tiễn là các sứ giả, mối quan hệ của người đưa tiễn với đối tượng này phần lớn mang tính chất xã giao nên thời gian đưa tiễn được tái hiện thường là thời gian hiện tại. Sự gắn bó giữa người đi, kẻ ở không đủ dài để gọi được thời gian quá khứ. Thơ tổng biệt giai đoạn thế kỉ XVIII-XIX chủ yếu là tổng biệt bạn bè trong đó nhiều bạn bè thân thiết, tri âm, tri kỉ nên thời gian đa chiều được thể hiện rõ nét hơn. Thời gian đa chiều đã giúp cảm xúc thơ tổng biệt có chiều sâu và đồng thời giúp người tiễn giải bày trọn vẹn những kỷ niệm, những cảm xúc trong ngày tiễn đưa.

2.2.2. Về không gian nghệ thuật

Thể tài thơ tổng biệt giai đoạn thế kỉ XVIII – XIX phần lớn tái hiện những không gian gần gũi của đời thường, phần lớn là sự đan xen của các miền không gian: *không gian chia li đau thương, không gian sông nước mênh mông, không gian hải ngoại xa xôi, không gian quê nhà tươi xanh*, nhưng nổi bật nhất là không gian sông nước. Không gian này trở thành dấu mốc ám ảnh của cuộc chia li. Biết bao lần chia tay tại dòng sông, những cuộc chia tay lặp lại trước sông nước mênh mông khiến con người không khỏi chạnh lòng và bùi ngùi man mác bên sông nước bao la. Cứ nhìn thấy sông là lại không nguôi cảm hứng chia biệt: *Khứ niên tương biệt Đức Giang đầu/Thùy liệu kim tiêu Nhĩ thủy lâu/Hội ngộ tha thân ưng vị bóc/Cư hành thử lí thuộc du du* (Tiễn Thuận An tri phủ *Nguyễn Tuân Phủ chi kinh* - Vũ Tông Phan). Không gian sông nước còn là không gian giới hạn của sự xa cách. Không gian lúc này được chia làm hai nửa. Có những cuộc chia tay hai người chia biệt hai phương trời và dòng sông là giới hạn cách ngăn: *Kinh kỳ bán niên tăng cộng thấp/Giang can phân thủ các thiên biên* (Long Hồ biệt *Nguyễn Nguyên* - Phan Thanh Giản). Cũng có cuộc chia tay, một người sang sông và một người ở lại, không gian chia nửa cho người ở lại và nửa cho người rời đi: *Giang Bắc giang nam vô hạn tình* (Tống nhân - Nguyễn Du). Không gian sông nước còn như tác nhân làm tăng thêm mối sầu biệt li khi xuất hiện kèm với những cụm từ gợi cảm giác lạnh giá như *phong sương, hàn giang, hàn dạ, thủy hàn...* Không gian sông nước còn là không gian của hoài niệm và ước vọng. Không gian hoài niệm đến từ những dòng sông trong kí ức, nó gắn với những kỉ niệm giản dị mà da diết: *Sự kiến phiên thành tích/ Tương khan hốt cánh nghi/ Số bôi Điện giang từ/ Nhị thủ Chí Đình thi* (Tiễn cố nhân *Bình Định học chính Trương Giản Trai đắc giả hồi hương* - Cao Bá Quát). Dòng sông hoài niệm thường khiến người tiễn day dứt thì dòng sông trong tưởng tượng của người đưa tiễn với ngày về lại thường rất đẹp. Những hoài niệm và ước vọng đã làm cho không gian sông nước trong các bài thơ tổng biệt trở nên gần gũi, gắn bó và thân thuộc hơn rất nhiều trong tâm hồn, cảm nhận của người đưa tiễn. Nó như miền không gian để nhân vật trữ tình neo đậu và gửi gắm những nỗi nhớ cũng như ước mong của mình. Xuất hiện nhiều trong thể tài này, dòng sông không chỉ trở thành một nhân vật chứng kiến buổi tiễn biệt mà chính không gian mênh mang của nó còn là một ám ảnh đối với những cuộc tiễn đưa. Không gian ấy vừa là vật cản cho sự xa cách của người đi kẻ ở, vừa làm tâm trạng xúc cảm của người trong cuộc bùi ngùi, xúc động hơn. Không gian ấy cũng là nơi người đưa tiễn tìm về kí ức hay mơ ước một ngày gặp lại.

2.2.3. Xét trên phương diện ngôn ngữ

Thể tài thơ tổng biệt giai đoạn thế kỉ XVIII – XIX mang những đặc trưng nổi bật trong cách sử dụng điển cố và thi liệu Hán học. Vì là thơ tổng biệt nên các điển được sử dụng thường

biểu trưng cho sự chia li, chia tay, đi xa - chủ đề trực tiếp của thể tài. Các điển nói về việc chia li, chia tay thường được nhắc tới như *Giang Nam*, *Cầu Bá Lãng*... hay chỉ những sáng tác nghệ thuật như *Khúc Dương Quan*, *khúc Bạch Tuyết*, *khúc Ly câu*... Cách sử dụng điển cũng khá linh hoạt. Những bài thơ tiễn người đi sứ thường dùng điển *Trương Khiên*, *Ban Siêu*, *Kinh Kha*, *thơ Hoàng Hoa*, *sà Hán*, *bè sao*, *ngân hà*... Những bài thơ tổng biệt người về quê thường sử dụng các điển trong thơ Lý Bạch (*toại y sơ*), Đào Tiềm (*gác lê*) hay điển về Trương Hàn trong *Tân thư* (*rau thuần*, *rau nhút*)... Nét đặc trưng cơ bản của việc dùng điển cổ đó là gợi cảm hứng cổ, cũ, xưa. Tuy nhiên đến với điển trong thơ tổng biệt giai đoạn thế kỉ XVIII - XIX sẽ thấy một điểm rất đặc sắc đó chính là cách vận dụng điển linh hoạt và khéo léo để thể hiện những vấn đề thời sự nóng hổi của một thời kì có nhiều biến cố. Ví dụ trong bài *Tiến Lê Trung Lượng thăng thụ Bình Thuận án sát chi lý* của Nguyễn Xuân Ôn có câu: *Tru tri U, Kế Trung Nguyên vật, Tuyệt dạ quân vương hạ cảm nhân* (Phải biết rằng Châu U, Châu Kế là đất Trung Nguyên, Đêm tuyết nhà vua xuống ngôi nơi nệm gấm). Câu đầu lấy điển về *châu U*, *Kế* là hai châu của Trung Quốc, Thạch Kính Đường dời Ngũ quý cắt nhường cho nước Khiết Đan. Ông vận dụng điển này để ý nói Nam Kỳ đã bị giặc Pháp chiếm đóng. Câu thứ hai được lấy từ điển Tổng Thái Tổ một đêm trời mưa tuyết rất lớn, đến nhà ông Triều Phổ, ngồi trên nệm gấm, uống rượu cùng bàn chuyện thiên hạ. Ở đây ý nói vua tôi cần lo lắng đến việc lấy lại Nam Kỳ đã bị mất. Trong bài *Tổng qui nhân* của Nguyễn Quang Bích, ở hai câu luận ông dùng điển *chăm qua miên*. Điển này nói về việc Ngũ Hồ đánh chiếm Trung Quốc, tướng nhà Tấn là Lưu Côn kê đầu lên ngọn giáo suốt đêm không ngủ đợi trời sáng để ra đánh giặc. Sách chữ Hán có câu *Chăm qua dãi dãi* có nghĩa là kê đầu lên ngọn giáo đợi trời sáng. Điển này đã thể hiện rõ cho hoàn cảnh đầy cam go, chỉ có cách duy nhất là chờ đợi thời cơ mà người tiễn - tác giả đang phải trải qua: *Thân thể dĩ cam tùy hóa chuyển, Nghĩa sự do thị chăm qua miên* (Thân thể đã đành theo con tạo chuyển vần, Nghĩa quán đương còn gối giáo nằm đợi).

2.2.4. Về hình tượng nghệ thuật

Các hình tượng nghệ thuật như liễu, li bôi, li ca, con đường, dòng sông... thường được sử dụng trong thể tài tổng biệt. Nghiên cứu thơ tổng biệt giai đoạn thế kỉ XVIII - XIX, chúng tôi thấy có sự tham gia của rất nhiều hình tượng, trong đó, liên quan trực tiếp đến đề tài tổng biệt thì chén rượu và liễu là hai hình tượng nổi bật, tiêu biểu hơn cả. Khảo sát thơ tổng biệt giai đoạn này, hình tượng rượu xuất hiện khoảng 26%. Cách thể hiện cũng rất đa dạng. Có khi xuất hiện ngay trong nhan đề bài thơ như *Trung thu dạ đồng Bảo Xuyên ông thống ám vi biệt*, *Tiểu chương dữ Đỗ Lang Trung thoại biệt* (Cao Bá Quát)... Cũng có khi, sự xuất hiện của rượu gắn với các hành động như *châm tửu*, *bá bôi*, *cử tửu*, *hàm bôi*, *ngự bôi*, *tái tửu*, *tận bôi*, *truyền bôi*... Cũng có lúc, người đọc nhận diện sự xuất hiện của rượu thông qua trạng thái của người đi kẻ ở trong cuộc tiễn biệt như *túy đảo*, *túy nhan*, *túy nê*, *quận túy*, *tửu bán tình*, *lão đảo tôn tiền*... Rượu có khi đi liền với những số đếm khác nhau như *tam bôi tửu*, *sổ bôi*, *nhất bôi*, *tửu bán*, *phương tôn*...nhưng cũng có lúc gắn với các từ chỉ tính chất như *thanh tôn* (rượu trong), *trọc tửu*, *bạc tửu* (rượu đục, rượu nhạt)... Hình ảnh này có khi chỉ đơn thuần là hình ảnh biểu trưng cho buổi đưa tiễn nhưng cũng có lúc nó trở thành duyên cớ để gắn kết tình cảm bạn bè hoặc là phương tiện để nhân vật trữ tình gửi gắm những nỗi niềm tâm sự. Chén rượu phần lớn là hình ảnh thực nhưng đôi lúc cũng là hình ảnh ảo hiện lên trong ký ức hay trong trí tưởng tượng của người đưa tiễn.

Cũng là một hình tượng nổi bật, hình tượng liễu xuất hiện khoảng 10% trong các bài thơ tổng biệt giai đoạn này. Phương thức thể hiện tập trung vào hai kiểu. Kiểu thứ nhất liễu hiện lên thông qua cảm nhận về thị giác với những hàng liễu, rừng liễu, cây liễu, cành liễu. Kiểu thứ hai liễu hiện lên thông qua cảm nhận về xúc giác gắn liền với hành động “chiết liễu”. Hình tượng liễu trước hết là hình ảnh đặc tả tạo nên không gian đưa tiễn. Không gian đó là những hàng liễu dài nơi bờ sông (*hàng giang liễu*, *giang hàng liễu*, *giang thượng liễu*...), trên đường đi, trên bờ đê (*dương liễu đê*, *đê liễu*, *liễu đê âm*...). Đôi khi là không gian với những hàng liễu thưa thớt (*liễu chi sơ*). Liễu đã giúp thể tài thơ tổng biệt thế kỉ XVIII - XIX có được những không gian

đưa tiễn thật đẹp, phảng phất phong vị Đường thi: *Dương liễu y y tử mạch xuân/ Lục bào nhất sắc diêu hồng trần* (Cây dương liễu dịu dàng tha thướt trên đường màu tía/ Áo bào màu lục rực rỡ chói lọi trong bụi hồng) (*Tổng Dương tiên sĩ* - Phạm Phú Thứ). Nhưng phần nhiều là không gian buồn. Những hàng liễu thừa thớt làm cho không gian vắng vẻ và cô quạnh: *Bát ngôn giang thượng liễu chi sơ* (Chẳng nói, liễu trên sông đã thừa thớt rồi) (*Lâm biệt tẩu bút tặng đại lý Nguyễn viên ngoại* - Cao Bá Quát). Không chỉ góp phần tạo lập không gian đưa tiễn, liễu còn tham gia vào câu chuyện tổng biệt để gợi được những cung bậc cảm xúc khác nhau trong lòng người đưa tiễn. Trước hết là nỗi sầu, buồn của sự biệt li. Liễu lúc này như một tác nhân khơi gợi nỗi buồn li biệt *Liễu kiều tự ngã sầu tân biệt* (Bên cầu liễu, tự ta buồn nỗi biệt li mới) (*Tổng Tổ Như đệ tự Phú Xuân kinh Bắc hoàn* - Nguyễn Đề). Nhiều hơn nỗi sầu buồn li biệt là tình cảm lưu luyến, bịn rịn khi chia tay. Tình cảm bịn rịn thiết tha đến mức người tiễn đôi khi tự dặn lòng: *Bất tu phan chiết sinh li hận* (Chẳng nên bẻ nó mà sinh ra mối hận biệt li) (*Hiếu xuất Bắc Đình biệt tương tổng chư cố nhân* - Cao Bá Quát). Hình tượng liễu trong thơ tổng biệt Việt Nam thế kỉ XVIII-XIX có sự tương đồng với hình tượng liễu mang ý nghĩa chia li trong thơ cổ và Trung đại của nhiều quốc gia Á đông như Trung Quốc [19] [20] [21], Hàn Quốc [22]. Sự xuất hiện hình tượng liễu giúp tạo cho thơ tổng biệt giai đoạn này vừa mang màu sắc Đường thi nhưng đồng thời vẫn góp phần thể hiện rất chân thực những cung bậc cảm xúc tiễn đưa.

3. Kết luận

Khảo sát các tác phẩm thơ tổng biệt thế kỉ XVIII - XIX có thể nhận thấy thể tài này mang những đặc trưng nổi bật cả ở nội dung và nghệ thuật. Nội dung cảm xúc phong phú với tình thần yêu nước, tình cảm quê hương, gia đình, tình cảm bạn bè... Việc phản ánh hiện thực li tán, đời sống đói khổ của nhân dân, công cuộc mở mang và giữ gìn bờ cõi lãnh thổ cũng như những sự kiện tiêu biểu của lịch sử trong hai thế kỉ cuối cùng của chế độ phong kiến cũng là một phương diện tiêu biểu trong nội dung của thể tài tổng biệt giai đoạn này. Bên cạnh đó thể tài tổng biệt cũng cho thấy cách thể hiện thời gian tổng biệt, không gian tổng biệt, cách sử dụng các hình tượng, các điển cố, thi liệu Hán học đặc trưng cho các cuộc chia li, tổng tiễn. Là một trong rất nhiều thể tài của văn học trung đại, có thể khẳng định thể tài thơ tổng biệt nói chung, thể tài thơ tổng biệt thế kỉ XVIII – XIX nói riêng đã góp phần vào sự phát triển tiến trình thể loại của văn học trung đại Việt Nam.

Lời cảm ơn: Công trình này được hoàn thành với sự hỗ trợ kinh phí từ chương trình nghiên cứu khoa học cơ bản của Trường Đại học Hùng Vương

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- [1] Lê Trí Viễn, 2001. *Đặc trưng văn học trung đại Việt Nam*. Nxb Văn nghệ thành phố Hồ Chí Minh, Hồ Chí Minh.
- [2] 常莹; 徐加新, 2019. *浅析中朝送别诗*. 福建茶叶, 第 07 期:244-245.
- [3] 谭庆华; 丁晓玲, 2019. *李白送别诗之非惜别情感解析*. 中学语文教学参考, 76.
- [4] 王晶晶, 2019. *唐代送别诗的审美表现*. 遵义师范学院学报, 第 21 卷第 4 期: 93-96.
- [5] 孙鑫蓉, 2019. *论宋代理学者送别诗的审美特征*. 内江师范学院学报, 第34卷第7期: 53-56.
- [6] Hán Thị Thu Hiền, 2019. “Những tiền đề của sự hình thành dòng thơ tổng biệt trong văn học trung đại Việt Nam”. *Tạp chí Nghiên cứu văn học*, số 11, tr 99 – 107
- [7] 王昕, 2014. *越南阮前送别诗研究*, 硕士论文·西南交通大学, 第 8 9 页

- [8] Bùi Thị Kim Ánh, 2011. *Thơ Tống biệt thế kỉ X – XIV và thế kỉ XV – XVII từ góc nhìn so sánh*. Luận văn thạc sĩ Trường Đại học sư phạm Hà Nội, 125 trang.
- [9] Trịnh Thị Hoa, 2015. *Thơ tống biệt đời Đường*, Luận án tiến sĩ Trường Đại học sư phạm Hà Nội, 163 trang.
- [10] Nguyễn Khắc Phi, 2006. *Tuyển tập Nguyễn Khắc Phi*. Nxb Giáo dục, Hà Nội.
- [11] Đào Duy Anh, 2004. *Từ điển Hán Việt*. Nxb Khoa học xã hội, Hà Nội, 309.
- [12] Thiều Chửu, 2004. *Hán Việt tự điển*. Nxb Thanh Niên, Hà Nội.
- [13] *Chí Đình Nguyễn Văn Lý Tổng tập thơ văn* - tập 1, 2015. Nxb Khoa học xã hội, Hà Nội
- [14] *Chí Đình Nguyễn Văn Lý Tổng tập thơ văn* - tập 2, 2015. Nxb Khoa học xã hội, Hà Nội.
- [15] *Phạm Phú Thứ toàn tập*, 2014. Nxb Đà Nẵng.
- [16] *Ngô Thì Nhậm toàn tập*, 2003. Nxb Khoa học xã hội, Hà Nội.
- [17] *Cao Bá Quát toàn tập*, tập 1, 2004. Nxb Văn học, Hà Nội - Trung tâm nghiên cứu Quốc học.
- [18] *Cao Bá Quát toàn tập*, tập 2, 2012. Nxb Văn học, Hà Nội - Trung tâm nghiên cứu Quốc học.
- [19] Tạ Đức Tú, 2012. Tìm hiểu đường thi dưới góc độ mã văn hóa. *Tạp chí Khoa học Trường Đại học Cần Thơ*, Tập 22b: tr.155-162.
- [20] Michelle Mi-Hsi Yeh, 2000. The Chinese Poem: The Visible and the Invisible in Chinese Poetry. *Manoa*, Volume 12, Number 1, 2000, pp. 139-146.
- [21] Hui Cui, 2016. *Intercultural comparison between Chinese and English poetry and aesthetic characteristics*. 4th International Education, Economics, Social Science, Arts, Sports and Management Engineering Conference (IEESASM 2016), pp.252-255.
- [22] De Kichung Kim, 1996. *An Introduction to Classical Korean Literature: From Hyangga to P'ansori (New Studies in Asian Culture)*. Routledge 1st Edition, pp.50.

ABSTRACT

Farewell poetry branch of the XVIII – XIXth centuries

Han Thi Thu Hien

Faculty of Social Sciences & Culture-Tourism, Hung Vuong University

Farewell poetry consists of poems, in which the author is the one who stays behind and say goodbye to someone as they move their living place. During the XVIII-XIXth centuries, this poetry branch recognized characteristics in both content and art. The emotional content associated with farewell events of three aspects: (1) patriotism, (2) the love of homeland and the family, and (3) friendship. The farewell poems recreated real life in this period on some typical aspects: the separation and dispersion, the poverty of the people, the effort of protecting the northern and southern border, the struggle of the Nguyen dynasty against the aggression of the French colonial. In these farewell poems, there are two outstanding artistic types of time: momentous time and continuous time including the past, the present, and the future. River is the most special space which appears in farewell poems. Historical references and materials for poetry and the artistic symbols such as willow, parting cup being used in farewell poems symbolize the separation, parting, farewell... This work contributes to elucidate concepts and outstanding characteristics of the contents and art of farewell poetry branch in Vietnamese poetry in the XVIII-XIXth centuries.

Keywords: Farewell poetry branch, the XVIII-XIXth centuries, content, artistic.